

PHỤ LỤC 1: MẪU BẢNG THỐNG KÊ CẬP NHẬT, BỔ SUNG CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỒ CHỨA

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NN ngày /11/2021 của UBND huyện Hữu Lũng)

STT	Tên hồ	Địa điểm (xã - huyện)	Thông số kỹ thuật																		Ghi chú		
			F _{tuổi} (ha)	F _v (km ²)	Diện tích mặt nước ứng với MNDBT	W (10 ⁶ m ³)			MNC (m)	MNDB T (m)	MNLT K (m)	MNLK T (m)	Đập chính			Đập phụ (số lượng, cái)	Cống lấy nước		Tràn xả lũ			Có tràn sự cố	
						W hữu ích	W toàn bộ	W _c					Cao trình đỉnh đập (m)	Chiều cao đập H _{max} (m)	Chiều dài đập (m)		Kích thước (m)	Hình thức (có áp/không áp)	Cao trình ngưỡng (m)	Kích thước B _{tràn} (m)			Hình thức
1	2	3		4		5		6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	23
I - Hồ hồ chứa nước lớn: Hd ≥ 15m hoặc Wtrữ ≥ 3 triệu m3																							
1																							
2																							
...																							
II - Hồ chứa nước vừa: 10 ≤ Hd < 15m và Lđập < 500m hoặc 0,5 triệu m3 ≤ Wtrữ < 3 triệu m3																							
III - Hồ chứa nước nhỏ: 5 ≤ Hd < 10 m và 0,05 triệu m3 ≤ Wtrữ < 0,5 triệu m3																							
IV - Các Hồ còn lại (Hd < 5 m và Wtrữ < 0,05 triệu m3)																							
	Tổng																						

Ghi chú: Với những hồ thiếu thông số, đề nghị ghi rõ lý do

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BỊ HƯ HỎNG CẦN SỬA CHỮA, NÂNG CẤP

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NN ngày /11/ 2021 của UBND huyện Hữu Lũng)

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm	Thông số kỹ thuật					Hiện trạng công trình	Tình trạng khắc phục	Dự kiến kinh phí		Ghi chú
			Flv (km ²)	W _{trữ toàn bộ} (10 ⁶ m ³)	F _{tưới Tke} (ha)	Đập chính (m)				Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí	
						H _{max}	L					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Các hồ chứa bị hư hỏng											
1												
2												
3												
...												
II	Các hồ chứa đã xảy ra sự cố hoặc hư hỏng do mưa lũ năm 2021											
1												
2												
...												
III	Các công trình bị hư hỏng khác											
1												
2												
...												

Ghi chú:

- Các hồ hư hỏng do mưa lũ năm 2021 cần ghi rõ ngày xảy ra sự cố, công tác khắc phục đến thời điểm hiện tại
- Các hồ bị hư hỏng, không hoạt động hoặc hạn chế hoạt động, đề nghị ghi rõ lý do, giải pháp khắc phục

PHỤ LỤC 3: BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CÁC ĐẬP DÂNG (Có chiều cao $\geq 5\text{m}$)

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NN ngày /11/ 2021 của UBND huyện Hữu Lũng)

STT	Tên đập dâng	Địa điểm	Thông số kỹ thuật														Hiện trạng công trình	Đơn vị quản lý
			Đập dâng					Công xả cát			Công lấy nước				Kênh mương			
			Dung tích trữ (nghìn m ³)	Cột nước tràn thiết kế	Cao trình đỉnh đập	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Số cửa công	Cao trình ngưỡng	Kích thước (m)	Số cửa công	Cao trình ngưỡng	Lưu lượng TK (m ³ /s)	Kích thước (m)	Tổng	Đã kiên cố		
I	Huyện/xã...																	
1	Đập ...																	
2	...																	
II	Huyện/xã...																	
	...																	
	...																	
	Tổng																	

Ghi chú: Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn (viết tắt là Công ty)
 UBND huyện Hữu Lũng (Viết tắt là Hữu Lũng)

PHỤ LỤC 4:**TỔNG HỢP THỰC HIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUY ĐỊNH C***(Kèm theo Công văn số: /UBND-NN ngày /11/ 2021 của U*

TT	Nội dung thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	Kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước	Đập, hồ chứa nước đang khai thác mà chưa kê khai đăng ký: Sau 45 ngày làm việc kể từ khi Nghị định có hiệu lực thi hành; Đập, hồ chứa nước khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, thay đổi chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi
2	Lập, điều chỉnh bổ sung quy trình vận hành hồ chứa nước	9/4/2019
3	Lập quy trình vận hành cửa	9/4/2019
4	Lập quy trình bảo trì công trình	9/4/2020
5	Lập và lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước	9/4/2021
6	Lắp đặt thiết bị và quan trắc công trình đập, hồ chứa nước	Thường xuyên
7	Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thuỷ văn chuyên dùng	Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ: 04/9/2020; Đối với đập, hồ chứa nước có tràn tự do: 04/9/2021
8	Kiểm tra và báo cáo hiện trạng đập, hồ chứa nước	Thường xuyên, trước lũ, sau lũ
9	Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước	Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực nước dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước; Kiểm định định kỳ 5 năm kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa; Kiểm định đột xuất.
10	Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước	
11	Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập.	Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ: 04/9/2020; Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do: 04/9/2021
12	Cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước	

13	Lập và thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước	
14	Lập và thực hiện phương án ứng phó thiên tai	Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm.
15	Lập và thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn	Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm.
16	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước	Trước 04/9/2021; Xây dựng và cập nhật hàng năm

.....
.....
.....
.....

PHỤ LỤC 5:
THỐNG KÊ CÁC VỤ VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Kèm theo Công văn số: /UBND-NN ngày /11/2021 của UBND huyện Hữu Lũng)

TT	Tên công trình	Tổng số vụ vi phạm		Hình thức vi phạm														Quản lý vi phạm			Ghi chú																							
				Gây cản trở dòng chảy của CCTL		Đổ rác thải, chất thải vào CCTL		Xả nước thải vào CCTL		Viện hành CCTL		Bảo vệ an toàn công trình TL						Quy định của giấy phép cho các h.động trong PVBV		Đã lập BB		BB đã gửi và kiến nghị XL	BB kiến nghị đã được XL																					
												Xây dựng, cơ sở, phá dỡ...	Lập bến bãi, Khai thác, nổ mìn, điều	Quản lý ATD hồ chứa TL	Tổng	Đã XL	Tổng							Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL																
(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)																							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)																					
Tổng cộng:																						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I Huyện/xã																																												
1	Công trình...																																											
2	Công trình...																																											
Cộng I:																																												
II Huyện/xã																																												
1	Công trình...																																											
2	Công trình...																																											
Cộng II:																																												

Ghi chú:

- Cột (5), (6) bao gồm các hành vi: Trồng rau, cắm dăng đó, chất chả và các hình thức đánh bắt khác, ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ hoặc tạo các vật cản khác.
- Cột (7), (8) bao gồm các hành vi: Đổ rác thải, chất thải vào công trình thủy lợi.
- Cột (9), (10) bao gồm các hành vi: Xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc diện phải xin phép mà không có giấy phép.
- Cột (11), (12) bao gồm các hành vi: Không có QTVH, thực hiện không đúng QTVH, không có nhiệm vụ mà tự ý vận hành;
- Cột (13), (14) bao gồm các hành vi: Xây dựng dựng nhà ở, công trình phụ, cầu, kè, nơi sản xuất và các công trình kiến trúc khác trái phép; Xây dựng lò gạch, lò vôi, chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm; Làm lều, quán, tường, xây dựng các công trình tạm trái phép; Mở rộng quy mô công trình hiện có, thay đổi kết cấu công trình hiện có; Đào, cuốc, xới, đánh vảng cỏ, gieo trồng các loại cây hoa màu trên bờ, mái kè, mái đập đất; Nuôi trồng thủy sản trái phép; Phá dỡ, xê dịch mốc chỉ giới, biển báo của công trình; Hoạt động nghiên cứu khoa học, trồng cây lâu năm trái phép; Đào đắp ao, hồ trong phạm vi bảo vệ công trình; Khoan, đào thám sát địa chất; Khoan, đào thám dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; Khoan, đào thám dò, khai thác khoáng sản; Tổ chức các hoạt động du lịch, thể thao trái phép, khai thác nước trái phép; Tư vờ bờ hoặc lấn công trình.
- Cột (15), (16) bao gồm các hành vi: Khai thác đất, đá, cát, sỏi và các vật liệu xây dựng trái phép; Lập bến bãi, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện trái phép; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Điều khiển xe cơ giới vượt tải trọng cho phép đi trên công trình thủy lợi; Sử dụng xe cơ giới, phương tiện thủy nội địa lưu thông trong công trình thủy lợi khi có biển.
- Cột (17), (18) bao gồm các hành vi: Không gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và thời gian quy định; Không thực hiện kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và chế độ quy định; Không có hoặc không tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công; Không thực hiện kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định; Không thực hiện cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi; Không có hoặc không thực hiện phương án bảo vệ đã được phê duyệt; Không có hoặc không rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm hoặc không thực hiện phương án ứng.
- Cột (19), (20) bao gồm các hành vi: Hoạt động sai nội dung quy định trong mỗi loại giấy phép quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.
- Cột (21) Số vụ vi phạm đã được lập biên bản (đối với các vụ tái phạm nhiều lần, lập nhiều biên bản, khi thống kê chỉ liệt kê là 01 lần lập).
- Cột (22) Số vụ vi phạm lập biên bản và đã gửi các đơn vị có thẩm quyền kiến nghị xử lý theo quy định.
- Cột (23) Số vụ vi phạm đã được các cấp có thẩm quyền xử lý sau khi nhận được biên bản kiến nghị xử lý của đơn vị trực tiếp quản lý khai thác CT.

PHỤ LỤC 6:
KẾT QUẢ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NN ngày /11/2021 của UBND huyện Hữu Lũng)

TT	Tên tổ chức/cá nhân bị xử phạt VPHC	Địa chỉ	Số hiệu QĐ xử phạt VPHC	Hành vi vi phạm	Xử phạt chính		Xử phạt bổ sung		Ghi chú
					Cảnh cáo	Số tiền phạt (đồng)	Tịch thu tang vật, phương tiện	Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
3									

Ghi chú:

- Cột (2) (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh
- Cột (4) Số hiệu QĐ xử phạt VPHC; ngày/tháng/năm ban hành QĐ
- Cột (5) Ghi hành vi vi phạm bị xử phạt theo quy định tại Nghị định 104/2017/NĐ-CP; NĐ 65/2019/NĐ-CP
- Cột (6) Nếu là phạt cảnh cáo đánh dấu (X)
- Cột (7) Số tiền phạt theo QĐ xử phạt đã ban hành
- Cột (8) Ghi rõ số lượng, tên tang vật, phương tiện bị tịch thu
- Cột (9) Số hiệu GP bị tước quyền sử dụng; thời hạn tước quyền (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)
- Cột (10): Ghi kết quả thực hiện Quyết định xử phạt.

Ghi chú